

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ**Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề Kinh doanh và Quản lý - Máy tính và Công nghệ thông tin**

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên; Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Tin học văn phòng;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng:

Thông tư này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên” (Phụ lục 1);

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ” (Phụ lục 2);

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)” (Phụ lục 3);

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Tin học văn phòng” (Phụ lục 4).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề:

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đàm Hữu Đắc

086341

Phụ lục 1**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ “QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP CÓ CẤP ĐIỆN ÁP TỪ 220KV TRỞ LÊN”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220kV trở lên

Mã nghề: 40550202

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Vận dụng các kiến thức về Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp, Kỹ thuật lưới điện, Phần điện trong trạm biến áp, Bảo vệ rơ le để quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;

+ Vận dụng các kiến thức về cấu tạo, công dụng, nguyên lý làm việc, các chế độ làm việc, thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của các thiết bị điện để quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;

+ Vận dụng kiến thức về kỹ thuật lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, phương pháp sử dụng các phương tiện, dụng cụ đồ nghề và vật tư kỹ thuật để sửa chữa các công trình thuộc lưới điện có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;

- + Biết quy trình quản lý, vận hành đường dây và các thiết bị điện trong trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;
 - + Biết thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
 - Kỹ năng:
 - + Kiểm tra, phát hiện và sửa chữa được các phần tử hư hỏng trên đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên, đảm bảo lưới truyền tải điện vận hành an toàn, liên tục, đúng quy trình, quy phạm, kinh tế và đảm bảo chất lượng điện năng;
 - + Đọc được các bảng vẽ, sơ đồ nối điện trạm biến áp, giải thích được các ký hiệu, chức năng, nhiệm vụ của từng phần tử;
 - + Thực hiện được nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống truyền tải an toàn và liên tục;
 - + Kiểm tra, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm khoảng cách an toàn công trình lưới điện; tuyên truyền bảo vệ an toàn hành lang lưới điện;
 - + Sử dụng được các máy móc, trang thiết bị dụng cụ để: kiểm tra, đo đạc; sửa chữa, thay thế các phần tử hư hỏng, xử lý sự cố trên đường dây và trong trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên;
 - + Vận hành, sửa chữa thiết bị Phòng chống cháy nổ;
 - + Quản lý có hệ thống các biên bản thí nghiệm, hồ sơ các thiết bị của đường dây và trạm biến áp.
2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng
- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
 - + Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
 - + Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:
- + Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp học sinh làm việc tại:

- + Các Công ty truyền tải điện;
- + Các Công ty xây lắp điện;
- + Các Nhà máy điện.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280; (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1770 giờ; Thời gian học tự chọn: 570 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 479 giờ; Thời gian học thực hành: 1291 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1770	479	1229	82
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	575	270	295	30
MH 07	Vẽ kỹ thuật	45	30	13	2
MH 08	Cơ kỹ thuật	30	23	5	2
MH 09	Vật liệu điện	45	35	8	2
MH 10	Kỹ thuật điện	120	64	53	3
MH 11	Đo lường điện	45	33	10	2
MH 12	Khí cụ điện	45	29	13	3
MH 13	Máy điện	45	32	10	3
MĐ 14	Gia công cơ khí	120	13	101	6
MĐ 15	Điện cơ bản	80	7	67	6
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1195	209	934	52
MH 16	Kỹ thuật lưới điện	60	40	18	2
MH 17	Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	45	25	18	2
MH 18	Bảo vệ rơ le	45	32	10	3
MH 19	Phản điện trong trạm biến áp	45	33	9	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Lắp đặt điện	120	10	102	8
MĐ 21	Đo các đại lượng điện	120	14	98	8
MĐ 22	Thực tập nhận thức đường dây và trạm biến áp 220 KV	40	4	34	2
MĐ 23	Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây tải điện có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	20	176	4
MĐ 24	Quản lý, vận hành, sửa chữa trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	23	173	4
MĐ 25	Thực tập sản xuất	320	8	296	16
Tổng cộng		1980	585	1316	99

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Kỹ thuật điện tử	45	23	20	2
MH 27	Bảo vệ quá điện áp	30	23	5	2
MH 28	Quy trình điều độ hệ thống điện	60	44	13	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 29	Tự động hóa	30	25	3	2
MH 30	Tổ chức sản xuất	45	36	7	2
MH 31	Cơ khí đường dây	60	45	13	2
MĐ 32	Vận hành thiết bị đo	80	8	62	10
MĐ 33	Vận hành hệ thống điện	80	8	70	2
MĐ 34	Lắp đặt đường dây tải điện trên không có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	20	164	16
MĐ 35	Lắp đặt thiết bị cho trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	160	17	130	13
MĐ 36	Sửa chữa nóng đường dây trên không	90	20	65	5
MĐ 37	Bảo dưỡng, sửa chữa trạm biến áp 220 KV	120	20	96	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định;

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 70 đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15 đến 30%;

- Theo chương trình khung đã xây dựng; Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn không vượt quá 570 giờ (trong đó lý thuyết không quá 160 giờ). Các Cơ sở dạy nghề nên sử dụng các môn học, mô đun tự chọn đã nêu ở phần danh mục các môn học, mô đun tự chọn. Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo, điều chỉnh các môn học, mô đun tự chọn đã xây dựng chương trình chi tiết từ 26 đến 34 trên phụ lục kèm theo.

- Từ các môn học, mô đun đề nghị các Cơ sở dạy nghề và dựa vào tình hình thực tế của mình mà tiến hành xây dựng các đề cương chương trình chi tiết cho từng chương, bài học cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình;

- Ví dụ bảng dưới đây là danh sách các môn học và mô đun tự chọn chương trình khung giới thiệu cho các Cơ sở dạy nghề áp dụng:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Bảo vệ quá điện áp	30	23	5	2
MH 29	Tự động hóa	30	25	3	2
MH 31	Cơ khí đường dây	60	45	13	2
MĐ 34	Lắp đặt đường dây tải điện trên không có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	20	164	16
MĐ 35	Lắp đặt thiết bị cho trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	160	17	130	13
MĐ 36	Sửa chữa nóng đường dây trên không	90	20	65	5
Tổng cộng		570	150	380	40

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp của nghề	Không quá 24h/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để học sinh có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại

tại một số hệ thống đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên hoặc các cơ sở sản xuất các thiết bị có cấp điện áp cao trên địa bàn của Cơ sở dạy nghề;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 1B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên

Mã nghề: 50550202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Vận dụng các kiến thức về kỹ thuật an toàn - vệ sinh công nghiệp, kỹ thuật lưới điện, nhà máy điện và trạm biến áp, bảo vệ rơ le để quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;

+ Vận dụng các kiến thức về cấu tạo, công dụng, nguyên lý làm việc, các chế độ làm việc, thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của các thiết bị điện để quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;

+ Vận dụng kiến thức về tổ chức sản xuất, kỹ thuật lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, phương pháp sử dụng các phương tiện, dụng cụ đồ nghề và vật tư kỹ thuật để xây dựng phương án và tổ chức sửa chữa các công trình thuộc lưới điện có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;

+ Phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp để xử lý các trạng thái làm việc không bình thường và sự cố các thiết bị điện trong trạm biến áp và đường dây có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;

+ Biết quy trình quản lý, vận hành đường dây và các thiết bị điện trong trạm biến áp có cấp điện áp đến 220 KV trở lên;

+ Biết thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

+ Biết vận dụng kiến thức tin học và ngoại ngữ để quản lý vận hành hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống biên bản thí nghiệm, hồ sơ thiết bị;

- Kỹ năng:

- + Kiểm tra, phát hiện và sửa chữa được các phần tử hư hỏng trên đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên, đảm bảo lưới truyền tải điện vận hành an toàn, liên tục, đúng quy trình, quy phạm, kinh tế và đảm bảo chất lượng điện năng;
- + Đọc được các bảng vẽ, sơ đồ nối điện trạm biến áp, giải thích được các ký hiệu, chức năng, nhiệm vụ của từng phần tử;
- + Nghiệm thu các phần tử, công trình lưới điện xây dựng mới và sau khi sửa chữa để đưa vào vận hành theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- + Thực hiện được nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống truyền tải an toàn và liên tục;
- + Biết lập kế hoạch, tiến độ để tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa đường dây truyền tải điện có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;
- + Kiểm tra, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm khoảng cách an toàn công trình lưới điện; tuyên truyền bảo vệ an toàn hành lang lưới điện;
- + Sử dụng được các máy móc, trang thiết bị dụng cụ để: kiểm tra, đo đạc; sửa chữa, thay thế các phần tử hư hỏng, xử lý sự cố trên đường dây và trong trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;
- + Vận hành, sửa chữa thiết bị phòng chống cháy nổ;
- + Quản lý, vận hành hệ thống thông tin liên lạc phục vụ cho công tác vận hành đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên;
- + Quản lý có hệ thống các biên bản thí nghiệm, hồ sơ các thiết bị của đường dây và trạm biến áp;
- + Quyết định về kỹ thuật trong phạm vi có giới hạn chuyên môn đã được đào tạo, có khả năng phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các tình trạng không bình thường trên đường dây;
- + Ứng dụng các kỹ thuật, thành tựu của khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất;
- + Làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng phối hợp với những người trong tổ, đội lao động;
- + Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công việc của người có trình độ thấp hơn.

091636331
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức
- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
- + Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Điện Việt Nam;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
- + Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc;
- + Có tinh thần trách nhiệm và tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân.
- Thể chất và quốc phòng
- + Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên làm việc tại:

- + Các Công ty truyền tải điện;
- + Các Công ty xây lắp điện;
- + Các Nhà máy điện.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ;
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ;
- + Thời gian học bắt buộc: 2395 giờ; Thời gian học tự chọn: 905 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 837 giờ; Thời gian học thực hành: 1558 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2395	837	1401	157
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	750	332	382	36
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	40	17	3
MH 08	Cơ kỹ thuật	45	33	9	3
MH 09	Vật liệu điện	45	35	8	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 10	Kỹ thuật điện	150	81	65	4
MH 11	Đo lường điện	45	33	10	2
MH 12	Khí cụ điện	45	29	13	3
MH 13	Máy điện	75	32	40	3
MH 14	Kỹ thuật điện tử	45	23	20	2
MĐ 15	Gia công cơ khí	160	17	135	8
MĐ 16	Điện cơ bản	80	9	65	6
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1645	505	1019	121
MH 17	Kỹ thuật lưới điện	60	40	17	3
MH 18	Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	60	40	17	3
MH 19	Ngắn mạch trong hệ thống điện	45	30	12	3
MH 20	Bảo vệ rơ le	60	41	16	3
MH 21	Tự động hóa	30	25	3	2
MH 22	Phần điện trong trạm biến áp	75	54	18	3
MH 23	Tổ chức sản xuất	45	40	3	2
MH 24	Bảo vệ quá điện áp	45	35	8	2
MH 25	Ổn định của hệ thống điện	45	36	7	2
MH 26	Quy trình điều độ hệ thống điện	60	44	13	3
MĐ 27	Lắp đặt điện	120	15	95	10
MĐ 28	Đo các đại lượng điện	120	14	98	8
MĐ 29	Thực tập nhận thức đường dây và trạm biến áp 220 KV	80	14	59	7
MĐ 30	Quản lý, vận hành, sửa chữa đường dây tải điện có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	19	173	8

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Quản lý, vận hành, sửa chữa trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	25	163	12
MĐ 32	Thực tập sản xuất	400	37	313	50
Tổng cộng		2845	1057	1661	187

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 33	Hệ thống thông tin	60	51	5	4
MH 34	Kinh doanh điện năng	60	40	17	3
MH 35	Cơ khí đường dây	60	43	14	3
MH 36	Tin học ứng dụng	60	34	22	4
MĐ 37	Vận hành thiết bị đo	80	8	62	10
MĐ 38	Vận hành hệ thống điện	80	8	66	6
MĐ 39	Lắp đặt đường dây tải điện trên không có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	20	164	16

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 40	Tiếng Anh chuyên ngành điện	55	29	24	2
MĐ 41	Lắp đặt thiết bị cho trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	160	17	130	13
MĐ 42	Sửa chữa nóng đường dây trên không	90	20	65	5
MĐ 43	Bảo dưỡng, sửa chữa trạm biến áp 220 KV	120	20	96	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 65 đến 75% và lý thuyết từ 25 đến 35%;

- Theo chương trình khung đã xây dựng; Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn không vượt quá 905 giờ (trong đó lý thuyết không quá 310 giờ). Các Cơ sở

đào tạo nghề nên sử dụng các môn học, mô đun tự chọn đã nêu ở phần danh mục các môn học, mô đun tự chọn. Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo, điều chỉnh các môn học, mô đun tự chọn đã xây dựng chương trình chi tiết từ 32 đến 39 trên Phụ lục kèm theo;

- Từ các môn học, mô đun đề nghị các Cơ sở dạy nghề và dựa vào tình hình thực tế của mình mà tiến hành xây dựng các đề cương chương trình chi tiết cho từng chương, bài học cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình;

- Đây là danh sách các môn học và mô đun tự chọn chương trình khung giới thiệu cho các Cơ sở dạy nghề áp dụng:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 33	Hệ thống thông tin	60	51	5	4
MH 34	Kinh doanh điện năng	60	40	17	3
MH 35	Cơ khí đường dây	60	43	14	3
MH 36	Tin học ứng dụng	60	34	22	4
MĐ 37	Vận hành thiết bị đo	80	8	62	10
MĐ 38	Vận hành hệ thống điện	80	8	66	6
MĐ 39	Lắp đặt đường dây tải điện trên không có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	200	20	164	16
MH 40	Tiếng Anh chuyên ngành điện	55	29	24	2
MĐ 41	Lắp đặt thiết bị cho trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên	160	17	130	13
MĐ 42	Sửa chữa nóng đường dây trên không	90	20	65	5
	Tổng cộng	905	270	569	66

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;
- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:
 - + Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;
 - + Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ;

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút. Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp của nghề	Không quá 24h/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để sinh viên có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số hệ thống đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220 KV trở lên hoặc các cơ sở sản xuất các thiết bị có cấp điện áp cao trên địa bàn của Cơ sở dạy nghề;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở bậc Trung cấp nghề và không bố trí Thực tập tốt nghiệp (vì sinh viên đã thực tập ở giai đoạn Trung cấp nghề).

- Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề./.

Phụ lục 2**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ “QUẢN TRỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 2A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ

Mã nghề: 40340104

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Nắm vững đường lối, chủ trương và chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng trong quản lý kinh tế, khai thác kỹ thuật phương tiện vận tải an toàn, hiệu quả điều kiện của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Có các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh đủ để tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề: Nguyên lý cơ bản của hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh, những tác nhân chi phối hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải đường bộ.

- Kỹ năng nghề nghiệp:

+ Tổ chức điều tra, nghiên cứu thị trường, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch vận chuyển; Đề xuất các biện pháp khai thác hiệu quả phương tiện vận tải, vật tư kỹ thuật của doanh nghiệp vận tải;

+ Đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, thoả mãn nhu cầu vận tải của nền kinh tế quốc dân;

+ Thu thập, xử lý và phân phối thông tin theo yêu cầu quản lý; Vận dụng được công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp vận tải;

+ Cập nhật được tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nắm vững vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Có thế giới quan khoa học, có nhận thức đúng về Chủ nghĩa xã hội để từ đó tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, chấp hành tốt chính sách của Đảng, Nhà nước, quy định của đơn vị;

+ Tôn trọng và làm theo Hiến pháp, Pháp luật, có nếp sống lành mạnh, giản dị trong sạch và tinh thần đoàn kết sẵn sàng bảo vệ thành quả xã hội chủ nghĩa;

+ Có tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật cao, trung thực, yêu nghề, tích cực học tập và rèn luyện không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao;

+ Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng, an ninh;

+ Có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp người học làm việc được trong những doanh nghiệp kinh doanh vận tải hoặc các đơn vị vận tải trực thuộc các doanh nghiệp sản xuất. Những vị trí

có thể làm việc: Nhân viên điều độ chuyên trách, nhân viên phòng kế hoạch vận tải, phòng kinh doanh, quản lý nhân sự.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2665 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2455 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1960 giờ; Thời gian học tự chọn: 495 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 751 giờ; Thời gian học thực hành: 1704 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II	Các môn học đào tạo nghề bắt buộc	1960	500	1348	112
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở cơ sở	450	270	150	30
MH 07	Quản trị học	60	40	16	4
MH 08	Kinh tế vi mô	60	30	26	4
MH 09	Nguyên lý thống kê	60	30	26	4
MH 10	Nguyên lý kế toán	60	32	24	4
MH 11	Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải	45	34	8	3
MH 12	Kinh tế vận tải	60	38	18	4
MH 13	Marketing căn bản	60	40	16	4
MH 14	Định mức kinh tế kỹ thuật	45	28	14	3
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	1510	230	1198	82
MH 15	Quản trị tài chính doanh nghiệp	75	30	40	5
MH 16	Quản trị sản xuất	75	30	40	5
MH 17	Tổ chức vận chuyển	60	25	31	4
MH 18	Tổ chức xếp dỡ	45	26	16	3
MH 19	Quản trị marketing	60	30	26	4
MH 20	Quản trị lao động - tiền lương	60	34	22	4
MH 21	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	26	4
MH 22	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh doanh vận tải đường bộ	75	25	45	5
MĐ 23	Thực tập nghề nghiệp	560	0	536	24
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	440	0	416	24
	Cộng	2170	606	1435	129

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Kinh tế vĩ mô	60	30	26	4
MH 26	Tâm lý học trong quản lý	60	40	16	4
MH 27	Luật kinh tế	60	35	21	4
MH 28	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MH 29	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 30	Kế toán doanh nghiệp	90	30	54	6
MH 31	Thư ký văn phòng	45	20	22	3
MH 32	Bảo vệ môi trường giao thông vận tải	30	20	8	2
MH 33	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	30	16	12	2
MH 34	Thống kê doanh nghiệp	45	23	19	3
MH 35	Kinh tế chính trị	90	60	24	6
MH 36	Quản trị dự án	75	45	25	5
MH 37	Lý thuyết tài chính	45	30	12	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 9 trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Kinh tế vĩ mô	60	30	26	4
MH 26	Tâm lý học trong quản lý	60	40	16	4
MH 27	Luật kinh tế	60	35	21	4
MH 28	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MH 29	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 30	Kế toán doanh nghiệp	90	30	54	6
MH 31	Thư ký văn phòng	45	20	22	3
MH 32	Bảo vệ môi trường giao thông vận tải	30	20	8	2
MH 33	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	30	16	12	2
	Tổng cộng	495	251	211	33

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn và các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc không nhỏ hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy

định, nhưng tổng thời gian thực học và ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp không vượt quá thời gian quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề: Kinh tế vận tải, Quản trị sản xuất, Tổ chức vận chuyển	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề: Lập kế hoạch vận chuyển, tổ chức đội xe, xác định giá thành vận tải.	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

09586341

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số doanh nghiệp vận tải;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 2B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ

Mã nghề: 50340104

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 44

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Có thể giới quan và phương pháp luận khoa học, kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương để tiếp thu tốt kiến thức chuyên môn nghề;

+ Nắm vững đường lối, chủ trương và chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng trong quản lý kinh tế, khai thác kỹ thuật phương tiện vận tải an toàn, hiệu quả điều kiện của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Có các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh đủ để tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề: Nguyên lý cơ bản của hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh, những tác nhân chi phối hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Nắm vững được những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, kiểm tra, kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải đường bộ.

- Kỹ năng nghề nghiệp:

+ Lập được kế hoạch nhân sự trung hạn, tham mưu bố trí nhân sự tại các bộ phận sản xuất kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý lao động phù hợp với thực tế;

+ Lập được các kế hoạch sử dụng vốn, tham mưu hoạch định kế hoạch tài chính trung và dài hạn, tổ chức thực hiện các biện pháp sử dụng vốn hiệu quả; Tham mưu hoạch định chính sách phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp;

+ Tổ chức điều tra, nghiên cứu thị trường, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch vận chuyển; Đề xuất các biện pháp khai thác hiệu quả phương tiện vận tải, vật tư kỹ thuật của doanh nghiệp vận tải;

+ Đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, thỏa mãn nhu cầu vận tải của nền kinh tế quốc dân;

+ Tham mưu và tổ chức thực hiện các kế hoạch đầu tư, phát triển doanh nghiệp trong dài hạn;

+ Tổ chức thu thập, xử lý và phân phối thông tin quản lý kinh doanh; Ứng dụng được công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp vận tải;

+ Cập nhật được tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nắm vững vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Có thể giới quan khoa học, có nhận thức đúng về Chủ nghĩa xã hội để từ đó tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, chấp hành tốt chính sách của Đảng, Nhà nước, quy định của đơn vị;

+ Tôn trọng và làm theo Hiến pháp, Pháp luật, có nếp sống lành mạnh, giản dị, trong sạch và tinh thần đoàn kết sẵn sàng bảo vệ thành quả xã hội chủ nghĩa;

+ Có tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật cao, trung thực, yêu nghề, tích cực học tập và rèn luyện không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao;

+ Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng, an ninh;

+ Có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp người học làm việc được trong những doanh nghiệp kinh doanh vận tải hoặc các đơn vị vận tải trực thuộc các doanh nghiệp sản xuất. Những vị trí có thể làm việc: Cán bộ quản lý đội xe, cán bộ điều độ chuyên trách, cán bộ phòng kế hoạch vận tải, phòng kinh doanh, quản lý nhân sự.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3830 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3380 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2645 giờ; Thời gian học tự chọn: 735 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1180 giờ; Thời gian học thực hành: 2200 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học đào tạo nghề bắt buộc	2645	824	1675	147
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	705	437	221	47
MH 07	Kinh tế chính trị	90	60	24	6
MH 08	Toán kinh tế	60	35	21	4
MH 09	Quản trị học	60	40	16	4
MH 10	Kinh tế vi mô	60	30	26	4
MH 11	Nguyên lý thống kê	60	30	26	4
MH 12	Lý thuyết tài chính	45	30	12	3
MH 13	Nguyên lý kế toán	60	32	24	4
MH 14	Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải	45	34	8	3
MH 15	Kinh tế vận tải	60	38	18	4
MH 16	Marketing căn bản	60	40	16	4
MH 17	Định mức kinh tế kỹ thuật	45	28	14	3
MH 18	Tâm lý học trong quản lý	60	40	16	4
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	1940	387	1453	100
MH 19	Thống kê doanh nghiệp	45	23	19	3
MH 20	Quản trị tài chính doanh nghiệp	90	40	44	6
MH 21	Quản trị sản xuất	90	40	44	6
MH 22	Tổ chức vận chuyển	90	40	44	6
MH 23	Tổ chức xếp dỡ	45	26	16	3
MH 24	Quản trị marketing	75	35	35	5
MH 25	Quản trị lao động - tiền lương	60	34	22	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Quản trị dự án	75	40	30	5
MH 27	Quản trị chất lượng	60	39	17	4
MH 28	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	40	44	6
MH 29	Hệ thống thông tin quản lý	60	30	26	4
MĐ 30	Thực tập nghề nghiệp	680	0	656	24
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	480	0	456	24
	Cộng	3095	1044	1874	177

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Kinh tế vĩ mô	60	30	26	4
MH 33	Luật kinh tế	60	35	21	4
MH 34	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MH 35	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 36	Kế toán doanh nghiệp	90	30	54	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 37	Thư ký văn phòng	45	20	22	3
MH 38	Bảo vệ môi trường giao thông vận tải	30	20	8	2
MH 39	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	30	16	12	2
MH 40	Vận tải đa phương thức	45	25	17	3
MH 41	Chiến lược và kế hoạch phát triển doanh nghiệp	75	40	30	5
MH 42	Logistics	45	25	17	3
MH 43	Thương vụ vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 44	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh doanh vận tải đường bộ	75	25	45	5
MH 45	Khởi tạo doanh nghiệp	30	20	8	2
MH 46	Giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng	30	20	8	2
MH 47	Kinh tế quốc tế	45	25	17	3
MH 48	Luật vận tải	45	20	22	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 13 trong số 17 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Kinh tế vĩ mô	60	30	26	4
MH 33	Luật kinh tế	60	35	21	4
MH 34	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MH 35	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 36	Kế toán doanh nghiệp	90	30	54	6
MH 37	Thư ký văn phòng	45	20	22	3
MH 38	Bảo vệ môi trường giao thông vận tải	30	20	8	2
MH 39	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	30	16	12	2
MH 40	Vận tải đa phương thức	45	25	17	3
MH 41	Chiến lược và kế hoạch phát triển doanh nghiệp	75	40	30	5
MH 42	Logistics	45	25	17	3
MH 43	Thương vụ vận tải ô tô	60	30	26	4
MH 44	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh doanh vận tải đường bộ	75	25	45	5
Tổng cộng		735	356	330	49

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn và các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc không nhỏ hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng tổng thời gian thực học và ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp không vượt quá thời gian quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;
- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:
 - + Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;
 - + Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ;

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề: Kinh tế vận tải, Quản trị sản xuất, Tổ chức vận chuyển.	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề: Lập kế hoạch vận chuyển, tổ chức đội xe, xác định giá thành vận tải.	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số doanh nghiệp vận tải;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 3**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
“CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 3A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

Mã nghề: 40480211

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định
của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Có đủ vốn từ và biết cách tra cứu, đọc hiểu các tài liệu chuyên môn cần thiết bằng tiếng Anh;

+ Hiểu được hiện trạng hệ thống thông tin quản lý của một số loại hình doanh nghiệp;

+ Biết các nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị - doanh nghiệp như tổ chức quản lý hoạt động nghiệp vụ, an toàn vệ sinh lao động;

+ Đề xuất những giải pháp ứng dụng phần mềm cụ thể để mang lại hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động của đơn vị - doanh nghiệp;

+ Biết lập kế hoạch và triển khai ứng dụng phần mềm;

+ Biết khai thác các phần mềm đã được triển khai.

- Kỹ năng:

- + Đọc được các hướng dẫn chuyên môn bằng tiếng Anh;
- + Cài đặt, bảo trì các sự cố máy tính đơn giản;
- + Sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong công việc văn phòng;
- + Tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ cho chuyên môn và quản lý doanh nghiệp;
- + Tham gia quản lý dự án phát triển phần mềm cho doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia;
- + Tham gia thiết kế, triển khai, bảo trì các ứng dụng phần mềm;
- + Cập nhật và phối hợp xử lý các sự cố khi vận hành các phần mềm ứng dụng;
- + Quản trị website phục vụ quảng bá hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- + Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm một cách chủ động, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết các tình huống đặt ra trong thực tiễn.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Công nghệ thông tin Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp học sinh sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

- + Kỹ thuật viên chuyên giao phần mềm ứng dụng;
- + Kỹ thuật viên quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu;
- + Kỹ thuật viên bảo trì hệ thống máy tính;
- + Kỹ thuật viên quản trị hệ thống mạng;
- + Kỹ thuật viên thiết kế và quản trị website;
- + Kỹ thuật viên thiết kế đa phương tiện.

Học sinh cũng làm việc được trong các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phần mềm tin học như: Lập trình viên phần mềm ứng dụng, kỹ thuật viên thiết kế web, kỹ thuật viên kiểm thử phần mềm.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2355 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1650 giờ; Thời gian học tự chọn: 705 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 667 giờ; Thời gian học thực hành: 1688 giờ.

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1650	433	1099	118
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	600	232	329	39
MĐ 07	Tin học văn phòng	60	16	40	4
MĐ 08	Bảng tính Excel	60	17	39	4
MH 09	Cấu trúc máy tính	60	34	22	4
MH 10	Mạng máy tính	60	20	36	4
MH 11	Lập trình cơ bản	60	25	31	4
MH 12	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	60	19	37	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 13	Cơ sở dữ liệu	60	18	38	4
MĐ 14	Lắp ráp và bảo trì máy tính	45	12	31	2
MH 15	Tổ chức quản lý doanh nghiệp	45	11	30	4
MH 16	Kế toán đại cương	45	30	12	3
MH 17	Kỹ năng làm việc nhóm	45	30	13	2
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	1050	201	770	79
MH 18	Tiếng Anh chuyên ngành	45	12	31	2
MĐ 19	Hệ điều hành Windows Server	60	18	38	4
MĐ 20	Quản trị cơ sở dữ liệu với Access 1	75	25	46	4
MĐ 21	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL Server	75	24	47	4
MH 22	Lập trình Windows 1 (VB.NET)	90	30	56	4
MĐ 23	Thiết kế và quản trị website	75	22	50	3
MĐ 24	Đồ họa ứng dụng	60	15	43	2
MĐ 25	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng	60	15	41	4
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	510	40	418	52
	Tổng cộng	1860	539	1186	135

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Ngôn ngữ Java	90	28	58	4
MH 28	An toàn và bảo mật thông tin	75	22	49	4
MH 29	Thiết kế đa phương tiện	60	18	40	2
MH 30	Hệ điều hành Linux	75	25	46	4
MĐ 31	Thiết kế ứng dụng với ASP.NET	75	20	51	4
MĐ 32	Excel nâng cao	60	18	39	3
MĐ 33	Kế toán máy	45	13	30	2
MH 34	Lập trình Web	75	21	50	4
MĐ 35	Thiết kế hoạt hình với Flash	60	20	37	3
MĐ 36	Xử lý ảnh với Corel Draw	60	20	37	3
MH 37	Lập trình mạng	75	25	46	4
MĐ 38	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	75	20	51	4
MĐ 39	Xây dựng phần mềm quản lý khách sạn	90	25	60	5
MĐ 40	Xây dựng phần mềm quản lý công văn đến	75	20	51	4
MĐ 41	Xây dựng phần mềm quản lý đơn đặt hàng từ xa	75	20	51	4
MĐ 42	Xây dựng phần mềm kế toán (tiền mặt, bán hàng, công nợ)	90	25	60	5
MĐ 43	Xây dựng phần mềm quản lý thư viện.	75	20	51	4
MĐ 44	Thiết kế diễn đàn trực tuyến Vbulletin	75	20	51	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 10 trong số 18 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Ngôn ngữ Java	90	28	58	4
MH 28	An toàn và bảo mật thông tin	75	22	49	4
MH 29	Thiết kế đa phương tiện	60	18	40	2
MH 30	Hệ điều hành Linux	75	25	46	4
MĐ 31	Thiết kế ứng dụng với ASP.NET	75	20	51	4
MĐ 32	Excel nâng cao	60	18	39	3
MĐ 33	Kế toán máy	45	13	30	2
MĐ 38	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	75	20	51	4
MĐ 40	Xây dựng phần mềm quản lý công văn đến	75	20	51	4
MĐ 44	Thiết kế diễn đàn trực tuyến Vbulletin	75	20	51	4
Tổng cộng		705	204	466	35

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Trung cấp nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, 20 phút trả lời)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số đơn vị, doanh nghiệp đang triển khai ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 3B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

Mã nghề: 50480211

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 42

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Đọc hiểu các tài liệu chuyên môn cần thiết bằng tiếng Anh;
- + Mô tả hiện trạng hệ thống thông tin quản lý của một số loại hình doanh nghiệp;
- + Đánh giá ưu nhược điểm về thực trạng ứng dụng phần mềm của doanh nghiệp;
- + Đề xuất những giải pháp ứng dụng phần mềm cụ thể để mang lại hiệu quả cao trong hoạt động doanh nghiệp;
- + Biết hoạch định và lập kế hoạch triển khai ứng dụng phần mềm;
- + Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ nhu cầu hoạt động của một số loại hình doanh nghiệp;
- + Xây dựng các sản phẩm phần mềm ứng dụng hỗ trợ các hoạt động của một số loại hình doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Chỉ huy nhóm kỹ thuật viên tin học;
- + Kèm cặp và hướng dẫn kỹ thuật viên bậc thấp;
- + Kiểm tra và giám sát việc thực hiện công việc của người có trình độ trung cấp nghề;
- + Đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh;
- + Cài đặt - bảo trì máy tính;
- + Sử dụng thành thạo máy tính trong công việc văn phòng;

- + Tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ cho chuyên môn và quản lý doanh nghiệp;
- + Phối hợp với các chuyên gia phần mềm để khảo sát, thiết kế hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động doanh nghiệp;
- + Tham gia quản lý dự án phát triển phần mềm cho doanh nghiệp;
- + Xử lý các sự cố khi vận hành các phần mềm ứng dụng;
- + Vận hành quy trình an toàn - bảo mật dữ liệu trong hệ thống, sao lưu - phục hồi dữ liệu;
- + Thiết kế và quản trị website phục vụ quảng bá, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Thiết kế, chỉnh sửa ảnh và các chương trình đa phương tiện phục vụ hoạt động doanh nghiệp;
- + Lập kế hoạch kiểm tra - bảo trì - nâng cấp các phần mềm trong hệ thống một cách độc lập.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
 - + Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Công nghệ thông tin Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;
 - + Hiểu biết về lịch sử phát triển, tầm quan trọng của ngành Công nghệ thông tin trên thế giới và tại Việt Nam;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
 - + Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:
- + Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

- + Chuyên viên tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng;
- + Chuyên viên thiết kế phần mềm ứng dụng;
- + Chuyên viên quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu;
- + Chuyên viên bảo trì hệ thống máy tính;
- + Chuyên viên thiết kế và quản trị website;
- + Chuyên viên an toàn - bảo mật thông tin;
- + Chuyên viên thiết kế đa phương tiện.

Sinh viên cũng làm việc được trong các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phần mềm tin học như: chuyên viên phân tích và thiết kế hệ thống, lập trình viên phần mềm ứng dụng, chuyên viên thiết kế web, chuyên viên kiểm thử phần mềm.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 160 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2400 giờ; Thời gian học tự chọn: 900 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1002 giờ; Thời gian học thực hành: 2298 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2400	656	1584	160
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	705	274	384	47
MĐ 07	Tin học văn phòng	60	16	40	4
MĐ 08	Bảng tính Excel	60	15	39	6
MH 09	Cấu trúc máy tính	75	45	25	5
MH 10	Mạng máy tính	75	25	46	4
MH 11	Lập trình cơ bản	75	30	41	4
MH 12	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	75	22	49	4
MH 13	Cơ sở dữ liệu	60	18	38	4
MĐ 14	Lắp ráp và bảo trì máy tính	60	15	41	4
MH 15	Tổ chức quản lý doanh nghiệp	60	18	36	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 16	Kế toán đại cương	60	40	16	4
MH 17	Kỹ năng làm việc nhóm	45	30	13	2
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	1695	382	1200	113
MH 18	Tiếng Anh chuyên ngành	60	21	35	4
MĐ 19	Hệ điều hành Windows Server	90	26	60	4
MĐ 20	Quản trị cơ sở dữ liệu với Access 1	75	25	46	4
MĐ 21	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL Server	75	24	47	4
MĐ 22	Quản trị cơ sở dữ liệu với Access 2	75	24	47	4
MH 23	Lập trình Windows 1 (VB.NET)	90	30	56	4
MH 24	Lập trình Windows 2 (ADO.Net)	90	33	53	4
MĐ 25	Thiết kế và quản trị website	90	35	51	4
MH 26	An toàn và bảo mật thông tin	90	27	59	4
MH 27	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	75	30	41	4
MĐ 28	Đồ họa ứng dụng	90	27	58	5
MĐ 29	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng	75	16	54	5
MĐ 30	Xây dựng website thương mại	90	32	54	4
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	640	36	544	60
	Tổng cộng	2850	876	1784	190

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Ngôn ngữ Java	90	32	53	5
MĐ 33	Lập trình Windows 3 (C#.Net)	90	25	46	4
MH 34	Quản lý dự án phần mềm công nghệ thông tin	75	38	33	4
MH 35	Thiết kế đa phương tiện	75	23	47	5
MH 36	Hệ điều hành Linux	90	30	56	4
MĐ 37	Thiết kế ứng dụng với ASP.NET	90	30	56	4
MĐ 38	Excel nâng cao	75	26	46	3
MĐ 39	Kế toán máy	60	20	37	3
MH 40	Lập trình Web	90	30	56	4
MH 41	Lập trình mạng	90	30	55	5
MĐ 42	Thiết kế hoạt hình với Flash	75	25	47	4
MĐ 43	Xử lý ảnh với Corel Draw	75	25	47	4
MĐ 44	Thiết kế đồ họa 3D	90	30	55	5
MĐ 45	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	90	30	56	4
MĐ 46	Xây dựng phần mềm quản lý khách sạn	90	30	57	3
MĐ 47	Xây dựng phần mềm chấm công	90	30	57	3
MĐ 48	Xây dựng phần mềm quản lý công văn đến	90	30	57	3
MĐ 49	Xây dựng phần mềm quản lý đơn đặt hàng từ xa	90	30	57	3
MĐ 50	Xây dựng phần mềm kế toán máy	90	30	57	3
MĐ 51	Xây dựng chương trình quản lý thư viện	90	30	57	3
MĐ 52	Thiết kế diễn đàn trực tuyến Vbulletin	75	25	47	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù theo vùng, miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học);

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền;

- Về thời lượng, Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Cao đẳng nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình

khung tại V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu quy định. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 11 trong số 20 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Ngôn ngữ Java	90	32	53	5
MĐ 33	Lập trình Windows 3 (C#.Net)	90	30	56	4
MH 34	Quản lý dự án phần mềm công nghệ thông tin	75	38	33	4
MH 35	Thiết kế đa phương tiện	75	23	47	5
MH 36	Hệ điều hành Linux	90	30	56	4
MĐ 37	Thiết kế ứng dụng với ASP.NET	90	30	56	4
MĐ 38	Excel nâng cao	75	26	46	3
MĐ 39	Kế toán máy	60	20	37	3
MĐ 45	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	90	30	56	4
MĐ 48	Xây dựng phần mềm quản lý công văn đến	90	30	57	3
MĐ 52	Thiết kế diễn đàn, trực tuyến Vbulletin	75	25	47	3
	Tổng cộng	900	314	544	42

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, 20 phút trả lời)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, cơ sở dữ liệu, Phân tích - thiết kế hệ thống thông tin - Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập trình giao diện, lập trình cơ sở dữ liệu, thiết kế website	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, 20 phút trả lời)
		Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
		Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 4**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ “TIN HỌC VĂN PHÒNG”***(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BLĐTBXH**ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)***Phụ lục 4A****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Tin học văn phòng

Mã nghề: 40480201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Nêu được kiến trúc và nguyên lý hoạt động của máy tính;
- + Trình bày được nội dung, phương thức cài đặt, vận hành, bảo dưỡng các phần mềm máy tính dùng cho văn phòng;
- + Nêu được một số phương pháp xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản;
- + Trình bày được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ;
- + Nhận biết được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị văn phòng và hướng giải quyết các sự cố đó.

- Kỹ năng:

- + Soạn thảo được văn bản theo mẫu nhà nước ban hành, đúng theo nội dung yêu cầu;

- + Sử dụng được ít nhất một ngôn ngữ lập trình;
- + Sử dụng thành thạo bộ phần mềm Microsoft Office;
- + Sử dụng được bộ Open Office;
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thông dụng;
- + Sao lưu, phục hồi, phòng chống virus cho dữ liệu trong máy tính;
- + Lắp ráp, cài đặt được hệ thống mạng cục bộ vừa và nhỏ;
- + Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh phục vụ công tác văn phòng;
- + Đề xuất được biện pháp xử lý các sự cố thường gặp cho các máy văn phòng;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp;

+ Có ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức bảo vệ của công;

+ Luôn chấp hành các nội quy, quy chế của đơn vị;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe, lòng yêu nghề, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng phát triển đất nước, chấp hành Hiến pháp và Pháp luật, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

3. Cơ hội việc làm:

- Thư ký văn phòng;

- Quản lý, xử lý dữ liệu, xây dựng đề án cho văn phòng;

- Giảng dạy, kèm cặp về tin học văn phòng cho các bậc thấp hơn;

- Làm việc cho các công ty máy tính;

- Thiết kế quảng cáo;
- Quản lý phòng Internet;
- Quản lý mạng LAN vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1865 giờ; Thời gian học tự chọn: 475 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 545 giờ; Thời gian học thực hành: 1320 giờ.

3. Thời gian học các môn văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1865	509	1259	97
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	570	191	347	32
MĐ 07	Kỹ thuật sử dụng bàn phím	60	15	41	4
MH 08	Văn bản pháp quy	45	15	28	2
MĐ 09	Soạn thảo văn bản điện tử	90	30	55	5
MĐ 10	Hệ điều hành windows	75	30	42	3
MĐ 11	Thiết kế trình diễn trên máy tính	90	30	56	4
MĐ 12	Bảng tính điện tử	90	30	55	5
MĐ 13	Lập trình căn bản	60	15	40	5
MĐ 14	Tiếng Anh chuyên ngành	60	26	30	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1295	318	912	65
MĐ 15	Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng	90	20	65	5
MĐ 16	Phần cứng máy tính	60	17	40	3
MĐ 17	Xử lý ảnh bằng Photoshop	105	29	71	5
MĐ 18	Mạng căn bản	90	30	55	5
MĐ 19	Lập trình quản lý	90	30	54	6
MĐ 20	Thiết kế đồ họa bằng Correl draw	90	30	56	4
MĐ 21	Vận hành và sử dụng các thiết bị văn phòng thông dụng	90	27	58	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Cài đặt, thiết lập, quản lý và vận hành mạng LAN	90	30	54	6
MĐ 23	Internet	90	30	55	5
MĐ 24	Lập trình Macro trên MS office	60	15	40	5
MĐ 25	Bảo trì hệ thống máy tính	90	30	54	6
MĐ 26	Công nghệ đa phương tiện	90	15	70	5
MĐ 27	Kỹ năng giao tiếp và nghệ thuật ứng xử	60	15	40	5
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	200	0	200	
Tổng cộng		2075	615	1346	114

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL	105	30	71	4
MĐ 30	Thiết kế Web	120	30	70	20
MĐ 31	Macromedia flash	75	30	41	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	AutoCAD	75	30	41	4
MĐ 33	Lập trình trực quan	105	25	75	5
MĐ 34	PHP & MySQL	120	30	70	20
MĐ 35	Lập trình nâng cao	120	30	86	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 trong số 8 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL	105	30	71	4
MĐ 30	Thiết kế Web	120	30	70	20
MĐ 31	Macromedia flash	75	30	41	4
MĐ 32	AutoCAD	75	30	41	4
MĐ 33	Lập trình trực quan (.Net)	105	25	75	5
Tổng cộng:		480	145	298	37

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Trung cấp nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 học sinh)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 4B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Tin học văn phòng

Mã nghề: 50480201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Trình bày được kiến trúc và nguyên lý hoạt động của máy tính;
- + Trình bày được nội dung, phương thức cài đặt, vận hành, bảo dưỡng các phần mềm máy tính dùng cho văn phòng;
- + Trình bày được một số phương pháp xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản;
- + Nêu tên được một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng và chức năng của chúng;
- + Trình bày được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ;
- + Đánh giá được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị để đưa ra giải pháp xử lý.

- Kỹ năng:

- + Soạn thảo được văn bản theo mẫu nhà nước ban hành, đúng theo nội dung yêu cầu;
- + Sử dụng thành thạo bộ phần mềm Microsoft Office;
- + Sử dụng được bộ Open Office;
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thông dụng;
- + Sao lưu, phục hồi, phòng chống virus và bảo mật dữ liệu;
- + Thiết kế, lắp ráp, cài đặt và quản trị được hệ thống mạng vừa và nhỏ;
- + Phân tích thiết kế, quản lý được các hệ thống thông tin văn phòng vừa và nhỏ;

- + Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh phục vụ công tác văn phòng;
- + Xử lý được hầu hết các sự cố máy tính và mạng nội bộ;
- + Sử dụng tốt ít nhất một ngôn ngữ lập trình;
- + Đọc hiểu được một số tài liệu tiếng Anh liên quan đến tin học văn phòng;
- + Tự nâng cao trình độ chuyên môn;
- + Kèm cặp, hướng dẫn các thợ bậc thấp hơn;
- + Tổ chức, quản lý, điều hành một hệ thống văn phòng trong một công ty, trường học, trung tâm hay xí nghiệp cỡ nhỏ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Nhận biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, quy chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe, lòng yêu nghề, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng phát triển đất nước, chấp hành Hiến pháp và Pháp luật, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

- Giáo viên dạy tin học cho các trường phổ thông;

- Thư ký văn phòng;

- Điều hành hệ thống thông tin văn phòng vừa và nhỏ;

- Quản lý, xử lý dữ liệu, xây dựng đề án cho văn phòng;
- Giảng dạy, kèm cặp về văn phòng cho các bậc thợ thấp hơn;
- Làm việc cho các công ty máy tính;
- Làm việc cho các công ty phần mềm (nếu lựa chọn các môn học phù hợp);
- Thiết kế quảng cáo;
- Quản lý phòng Internet;
- Quản lý mạng LAN vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2745 giờ; Thời gian học tự chọn: 555 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 681 giờ; Thời gian học thực hành: 2064 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2745	681	1927	137
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	600	206	363	31
MĐ 07	Kỹ thuật sử dụng bàn phím	60	15	41	4
MH 08	Văn bản pháp quy	45	15	28	2
MĐ 09	Soạn thảo văn bản điện tử	90	30	55	5
MĐ 10	Hệ điều hành Windows	75	30	42	3
MĐ 11	Thiết kế trình diễn trên máy tính	90	30	56	4
MĐ 12	Bảng tính điện tử	90	30	55	5
MĐ 13	Lập trình căn bản	90	30	56	4
MĐ 14	Tiếng Anh chuyên ngành	60	26	30	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2145	475	1564	106
MĐ 15	Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng	120	30	84	6
MĐ 16	Phần cứng máy tính	60	17	40	3
MĐ 17	Xử lý ảnh bằng Photoshop	105	29	71	5
MĐ 18	Mạng căn bản	90	30	55	5
MĐ 19	Lập trình quản lý	90	30	54	6
MĐ 20	Cơ sở dữ liệu	90	30	56	4
MĐ 21	Thiết kế đồ họa bằng Corel Draw	90	30	55	5
MĐ 22	Công nghệ đa phương tiện	90	15	70	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Vận hành và sử dụng các thiết bị văn phòng thông dụng	90	27	58	5
MĐ 24	Hệ điều hành Linux	120	30	82	8
MĐ 25	Thiết lập, quản lý và vận hành mạng LAN	105	30	70	5
MĐ 26	Thực tập chuyên ngành	240	15	208	17
MĐ 27	An ninh dữ liệu	120	30	84	6
MĐ 28	Internet	90	30	55	5
MĐ 29	Lập trình Macro trên MS Office	90	30	55	5
MĐ 30	Bảo trì hệ thống máy tính	90	30	54	6
MĐ 31	Kỹ năng giao tiếp và nghệ thuật ứng xử	60	15	40	5
MĐ 32	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL	105	30	71	4
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	300	0	300	
Tổng cộng		3195	901	2127	167

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Thiết kế Web	120	30	70	20
MĐ 35	Thiết kế đồ họa 3D	75	30	41	4
MĐ 36	Flash	75	30	41	4
MĐ 37	AutoCAD	75	30	41	4
MĐ 38	Lập trình trực quan	105	25	75	5
MĐ 39	PHP và MySQL	120	30	70	20
MĐ 40	Lập trình nâng cao	120	30	86	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 6 trong số 7 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Thiết kế Web	120	30	70	20
MĐ 35	Thiết kế đồ họa 3D	75	30	41	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Flash	75	30	41	4
MĐ 37	AutoCAD	75	30	41	4
MĐ 38	Lập trình trực quan (Net)	105	25	72	8
MĐ 39	PHP và MySQL	120	30	70	20
Tổng cộng:		570	175	335	

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Cao đẳng nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 sinh viên)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.